

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Huỳnh Văn Hồng.**
2. Bà: **Trương Thị Kim Thiều.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp “*ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Thu T** – sinh ngày: 27/02/1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Võ Văn H** – sinh ngày: 30/4/1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/6/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị Thu T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn H do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 24/12/2016. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống riêng tự lập. Trong thời gian vợ chồng chung sống cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp thường hay cự cãi, anh H không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị và anh H đã không còn sống chung với nhau từ ngày 20 tháng 02 năm 2019 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn H.

- Về con chung: Có một con chung tên Võ Thiêng Bảo L, sinh ngày 24/9/2019. Từ nhỏ thì cháu L đã sống chung với chị đến ngày 15/3/2022 thì anh H đã bắt cháu L về sống chung với sanh H. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Võ Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Võ Văn H vắng mặt nhưng tại các bằng khai ý kiến ngày 05/01/2022, ngày 28/02/2022, trong quá trình tham gia tố tụng anh Võ Văn H trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Anh không thống nhất theo lời trình bày của chị T. Trong cuộc sống vợ chồng thì anh và chị T có cự cãi nhưng chỉ là cự cãi nhỏ, hiện nay vợ chồng anh chị vẫn chung sống với nhau. Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh không đồng ý mà anh yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Có một con chung tên Võ Thiêng Bảo L, sinh ngày 24/9/2019. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Võ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Võ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 17/6/2021; Đơn xin xác nhận; Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Trích lục kết hôn; Trích lục khai sinh; Bản khai; Dịch vụ chuyển phát nhanh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Võ Thị Thu T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận giải quyết việc tranh chấp ly hôn giữa

chị T và anh H, anh H có nơi cư trú tại thôn Phú Nhang, xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Theo đơn xin xác nhận tạm trú ngày 18/01/2022 của Công an xã Trung Hiếu do anh H cung cấp thì đương sự Võ Văn H, sinh ngày 30/4/1985 có đăng ký tạm trú tại ấp Bình Thành, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 10/02/2022 Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận đã ra quyết định về việc chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long để giải quyết theo thẩm quyền. Do anh H có đăng ký tạm trú tại ấp Bình Thành, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh H vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 24/12/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian vợ chồng chung sống theo chị T trình bày thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp thường hay cự cãi, anh H không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị T và anh H đã không còn sống chung từ ngày 20 tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Anh H trình bày anh vẫn thương yêu vợ con, hiện nay vợ chồng anh chị vẫn chung sống với nhau, vợ chồng chỉ có cự cãi nhỏ nãy đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh H không đồng ý mà anh H yêu cầu được đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H, anh H không đồng ý mà anh H yêu cầu đoàn tụ, xét yêu cầu của chị T là có cơ sở bởi vì anh chị đã ly thân trong một thời gian dài mà anh chị không đoàn tụ được, chị T không còn tình cảm với anh H, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T thì anh H đã trầm trọng, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thiêng Bảo L, sinh ngày 24/9/2019. Từ nhỏ thì cháu L đã sống chung với chị T đến ngày 15/3/2022 thì anh H đã bắt cháu L về sống chung với anh H, sau khi ly hôn chị T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H không đồng ý giao cháu L cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Ngày 28/02/2022 Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm có ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ yêu cầu chị T và anh H cung cấp tài liệu, chứng cứ chị T và anh H đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu L. Ngày 14/3/2022 chị T cung cấp cho Tòa án chị T có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 32, tờ

bản đồ số 34, diện tích 733,7m² loại đất ở + đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Bình Thành, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm. Ngoài ra chị T còn có thu nhập từ việc dạy học tại nhà khoảng 70.000.000đ/năm, thu nhập từ việc mua bán thú cưng khoảng 60.000.000đ/năm và chị T còn cho thuê đất thu nhập 12.000.000đ/năm. Đối với anh H từ khi nhận quyết yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ cho đến khi Tòa án xét xử vụ án thì anh H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Do đó xét yêu cầu của chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L là có cơ sở do chị T có tài sản và có thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L đồng thời theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, cháu L hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị T. Do đó buộc anh H có nghĩa vụ giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh H.

Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thu T.

Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Võ Văn H.

Về con chung: Chị Võ Thị Thu T và anh Võ Văn H có một con chung tên Võ Thiêng Bảo L, sinh ngày 24/9/2019. Buộc anh Võ Văn H có nghĩa vụ giao cháu Võ Thiêng Bảo L cho chị Võ Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Võ Thị Thu T và anh Võ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Võ Thị Thu T và anh Võ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Võ Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0005762, ngày 08/12/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Chị Võ Thị Thu T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Hiếu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh